TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yến Linh
Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bội Nhu
2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 612/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "*Ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1988.
Nơi cư trú: Số 12 Đặng Tất, phường T, thành phố P, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm: 1988.
Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh B.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Dtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Duy Q tự nguyện tìm hiểu yêu thương chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, thành phố C vào ngày 10/10/2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã cố gắng để vợ chồng chung sống nhưng không tìm được tiếng nói

chung, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được do vợ chồng không còn hòa hợp và yêu thương nhau như trước đây, bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống xa nhau gần 01 năm nay và thường xuyên cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Nay bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Q và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Duy Q.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Đức T (nam), sinh ngày 19/9/2014. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của ông Q là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Duy Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị D tự nguyện tìm hiểu yêu thương chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thới Lai, huyện T, thành phố C vào ngày 10/10/2014.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế eo hẹp, khi con được 07 tháng tuổi cô D đi làm ở Cà Mau để 02 cha con lại nhà mẹ vợ, khổ quá nên ông Q ẵm con về nhà cha mẹ ruột tại thị trấn C, huyện B, tỉnh B sống đến tháng 11/2016 thì vợ chồng hàn gắn và chung sống tới tháng 02/2017 phát sinh mâu thuẫn nặng nề, từ đó ông Q mang con về nhà cha mẹ sống cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông bà không còn yêu thương nhau nữa, bất đồng quan điểm sống. Nay ông Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà D và đồng ý ly hôn với bà Trần Thị D.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Đức T (nam), sinh ngày 19/9/2014. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng theo thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa bà D, ông Q đã trầm trọng. Do đó, căn cứ điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Qvà bà D. Về con chung: cả 02 ông bà đều có yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Đức T, xét thấy hiện nay cháu T đang sống với

ba, mặc dù ông Q bắt đầu nghiện ma túy từ năm 2015, tuy nhiên hiện tại vẫn đang điều trị cai nghiện nhưng vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T từ nhỏ đến giờ. Ông Q vẫn nuôi dạy tốt, chăm lo đầy đủ về mọi mặt cho con, cháu T đang sống ổn định với cha, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Duy Q, ông Q có hộ khẩu thường trú tại số 83 đường Nguyễn Hữu C, khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh B, nhưng nơi cư trú là khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Duy Q có đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014 ngày 10/10/2014 tại UBND thị trấn T, huyện T, thành phố C nên quan hệ hôn nhân của bà D và ông Q là hợp pháp.

Theo bà D trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã cố gắng nhiều lần hàn gắn để vợ chồng chung sống, tuy nhiên cả hai đều không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được do vợ chồng không còn hòa hợp và yêu thương nhau như trước đây, bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống xa nhau gần 01 năm nay và thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nay bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Qvà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Duy Q. Nay ông Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà D nữa, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Duy Q. Ông Nguyễn Duy Q cũng đồng ý ly hôn với bà Trần Thị D.

Xét yêu cầu trên của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của bà D, ông Q không còn hạnh phúc, ông bà không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng nhau nên hạnh phúc gia đình ngày càng rạn nứt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều đồng ý thuận tình ly hôn, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều này chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã thật sự rạn nứt, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định

cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn của bà D và ông Q là phù hợp.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Đức T (nam), sinh ngày 19/9/2014. Cả hai ông bà đều có yêu cầu nuôi dưỡng cháu T. Xét yêu cầu này của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét yêu cầu của bà D thấy rằng: Bà D yêu cầu được nuôi cháu T, nhưng thực tế hiện nay cháu đang do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và cháu đang có cuộc sống ổn định với ông Q, hơn nữa từ nhỏ (từ 7 tháng tuổi) cho đến nay hầu như ông Q là người trực tiếp chăm sóc cháu, bà D có một thời gian dài không sống chung với ông Q và cháu T. Thậm chí hiện nay bà D cũng không biết cô giáo dạy con mình tên gì, mỗi tuần bà D cũng chỉ gặp cháu 01 lần (do ông Q chở đến). Mặc dù, ông Q nghiện ma túy từ năm 2015, nhưng đến thời điểm hiện nay ông Q đang cai nghiện ma túy thành công và ở chế độ giảm liều. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi phải bảo đảm đời sống của cháu được ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, vì vậy nghĩ nên giao cháu T cho ông Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đời sống của cháu không bị xáo trộn, bảo đảm được cuộc sống cho cháu T là phù hợp.

V**ề phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con**: Ông Q không yêu cầu phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con đối với bà D nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến trình bày của các đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B về việc công nhận việc thuận tình ly hôn và giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, khoản 01 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn Duy Q.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức T (nam), sinh ngày 19/9/2014 cho ông Nguyễn Duy Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con đối với bà D nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 01/11/2017 bà D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố P thu biên lai số 0020069 nay được chuyển sang án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo của các đương sự là 15 ngày tính từ ngày tuyên án (19/01/2018).

<u>Nơi nhận</u>:
Các đương sự;
TAND tỉnh Bình Thuận;
VKSND tỉnh Bình Thuận;
Thi hành án dân sự Phan Thiết;
UBND xã, phường (nơi đăng ký kết hôn);
Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Yến Linh